

số /2025/UBTVQH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO (ngày 06.10.25)

NGHỊ QUYẾT**Quy định về chế độ bảo vệ Thẩm phán****ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15,

QUYẾT NGHỊ:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, nội dung, biện pháp, trình tự thủ tục bảo vệ Thẩm phán trong khi thi hành công vụ, vì lý do công vụ hoặc trong trường hợp cần thiết; quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ Thẩm phán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo vệ Thẩm phán trong trường hợp cần thiết* là trường hợp Thẩm phán hoặc thân nhân của Thẩm phán bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác không phải trong khi thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ nhưng cơ quan chức năng xét thấy cần phải bảo vệ.

2. *Bảo vệ vị trí công tác của Thẩm phán* là việc áp dụng các biện pháp bảo vệ những công việc gắn với chức danh, chức vụ, vị trí việc làm, quyền và lợi ích hợp pháp khác liên quan đến chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật, quy hoạch,

bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, nâng bậc, phong, thăng cấp bậc hàm, danh hiệu đối với Thẩm phán.

3. *Thân nhân của Thẩm phán* gồm: Vợ (chồng), cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ (chồng), mẹ vợ (chồng), cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật.

4. *Vụ án, vụ việc có mức độ nguy hiểm cao* là vụ án, vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng đe dọa an toàn tính mạng, sức khỏe của Thẩm phán được phân công giải quyết, như: các vụ án hình sự về tội phạm có tổ chức, các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm ma túy, tội phạm tham nhũng; các tranh chấp dân sự, hành chính hoặc các vụ án, vụ việc khác liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, người nổi tiếng, có khả năng ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ Thẩm phán

1. Tuân thủ Hiến pháp, quy định của pháp luật.
2. Thực hiện kịp thời, hiệu quả, gắn liền với phát huy vai trò, trách nhiệm của người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức.
3. Chú trọng phòng ngừa; chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm mọi hành vi xâm hại, đe dọa xâm phạm Thẩm phán.
4. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bảo vệ Thẩm phán.
5. Bảo đảm chế độ, chính sách đặc thù về tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng để Thẩm phán yên tâm công tác, giữ gìn phẩm chất, nâng cao năng lực, thực sự liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Gây ảnh hưởng đến việc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, sự vô tư, khách quan của Thẩm phán khi thi hành công vụ.
2. Đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán.
3. Cản trở Thẩm phán thi hành công vụ.
4. Chỉ đạo, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc Thẩm phán để che giấu, không báo cáo, báo cáo sai sự thật, báo cáo không đầy đủ, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định, quy trình nghiệp vụ.

5. Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn để trả thù, trù dập, gây ảnh hưởng tiêu cực đến vị trí công tác; can thiệp, cản trở, tác động để Thẩm phán không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ, công vụ.

6. Lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh sai sự thật hoặc nhận xét, đánh giá tùy tiện nhằm vu cáo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến vị trí công tác của Thẩm phán.

7. Làm lộ, lọt thông tin về hoạt động công vụ của Thẩm phán, gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vụ việc; làm lộ, lọt thông tin cần được giữ bí mật trong quá trình bảo vệ.

8. Xâm phạm dữ liệu cá nhân của Thẩm phán.

9. Lợi dụng chính sách bảo vệ Thẩm phán để thực hiện hoặc bao che hành vi tham nhũng, tiêu cực, trục lợi, vi phạm quy định của pháp luật.

10. Chậm trễ, thiếu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các biện pháp bảo vệ Thẩm phán.

11. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG, BIỆN PHÁP VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BẢO VỆ THẨM PHÁN

Mục 1:

Nội dung và biện pháp bảo vệ Thẩm phán

Điều 5. Nội dung bảo vệ Thẩm phán

1. Bảo vệ sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc.

2. Bảo vệ vị trí công tác, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn;

3. Bảo vệ bí mật an toàn, thông tin, dữ liệu cá nhân;

4. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán.

Điều 6. Biện pháp bảo vệ sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc

1. Thẩm phán giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không chịu sự can thiệp trái pháp luật của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân; có quyền từ chối tiếp xúc, thực hiện các yêu cầu gây ảnh hưởng đến sự độc lập, vô tư, khách quan trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án, vụ việc.

2. Thẩm phán không phải giải trình, không được thông tin về quan điểm xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đang trong quá trình thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Không điều tra đối với Thẩm phán về việc xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đang trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp có căn cứ rõ ràng xác định Thẩm phán vi phạm pháp luật hình sự trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đó.

4. Không được đưa tin, cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông có tính chất quy kết, xác định về việc Thẩm phán có dấu hiệu vi phạm hoặc nghi ngờ về tính độc lập, khách quan của Thẩm phán khi chưa có kết luận chính thức của cấp có thẩm quyền.

5. Việc xem xét trách nhiệm của Thẩm phán đối với các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

6. Bảo vệ thân nhân của Thẩm phán để bảo đảm cho Thẩm phán không bị tác động tiêu cực trong quá trình thi hành công vụ.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi can thiệp trái pháp luật vào việc xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc của Thẩm phán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được yêu cầu Thẩm phán thực hiện những công việc vượt quá phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc gây ảnh hưởng đến sự vô tư, khách quan khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

2. Thẩm phán có quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại quyết định thay đổi vị trí công tác.

3. Không thay đổi vị trí công tác của Thẩm phán trong các trường hợp đang có tố cáo, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh cho rằng Thẩm phán bị trả thù, trù dập

liên quan đến việc xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc cho đến khi có kết quả giải quyết của cấp có thẩm quyền đối với các tố cáo, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh đó.

4. Khi có kết luận Thẩm phán bị xử lý hình sự, bị kỷ luật oan, sai thì cấp có thẩm quyền phải thực hiện ngay việc xem xét lại các quyết định kỷ luật đối với Thẩm phán, kể cả trường hợp Thẩm phán đã chết, đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ, chức danh, vị trí công tác tương đương hoặc xem xét bố trí công tác khác theo nguyện vọng của Thẩm phán; tổ chức xin lỗi công khai, phục hồi các quyền lợi và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Thẩm phán được đánh giá năng lực một cách khoa học, hợp lý, khách quan, công bằng; kết quả đánh giá chất lượng xét xử là cơ sở quan trọng trong việc quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng, nâng bậc Thẩm phán.

7. Các điều kiện bảo đảm để thực hiện nhiệm vụ, công vụ

Thẩm phán được bảo đảm các điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

a) Được sử dụng xe công vụ, bảo đảm an toàn khi tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá kê biên tài sản, tổng đạt các văn bản tố tụng ở bên ngoài Tòa án.

b) Được ưu tiên trong việc đặt mua vé tàu hỏa, ô tô, tàu thủy, máy bay, xếp hàng khi tham gia các phương tiện giao thông; đặt phòng tại các địa điểm lưu trú khi thực thi công vụ.

c) Được trưng dụng công cụ, phương tiện của tổ chức, cá nhân trong trường hợp khẩn cấp.

e) Được bảo đảm về chính sách về nhà ở công vụ, xe công vụ; được trang bị các phương tiện vật chất, kỹ thuật cần thiết phục vụ cho hoạt động của Thẩm phán khi thực hiện nhiệm vụ biệt phái.

Điều 8. Biện pháp bảo vệ bí mật an toàn, thông tin, dữ liệu cá nhân của Thẩm phán

1. Trường hợp Thẩm phán bị xâm phạm bí mật, an toàn dữ liệu cá nhân trong hoạt động công vụ hoặc vì lý do công vụ thì cơ quan có thẩm quyền phải kịp thời áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh, phong tỏa, làm rõ sự thật, chỉ đạo ngăn chặn, loại bỏ tác động tiêu cực và các biện pháp bảo vệ cần thiết khác.

2. Khi giải quyết các vụ án, vụ việc có mức độ nguy hiểm cao, nếu Thẩm phán đề nghị thì cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ bí mật danh

tính của Thẩm phán và thân nhân của họ; bảo mật, hạn chế việc truy cập, tiếp cận thông tin, dữ liệu cá nhân của Thẩm phán và thân nhân của Thẩm phán khi xét thấy cần thiết.

Điều 9. Biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán

1. Khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và thân nhân của Thẩm phán bị xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét tính chất, mức độ của hành vi đe dọa để chỉ đạo, áp dụng ngay một hoặc các biện pháp bảo vệ sau:

a) Giải thích cho người có hành vi vi phạm biết rõ là họ đã vi phạm pháp luật và yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm đó. Yêu cầu người vi phạm xuất trình căn cước công dân và các giấy tờ cần thiết khác để kiểm tra;

b) Bố trí lực lượng bảo vệ, tiến hành các biện pháp cần thiết để chấm dứt các hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm; ngăn chặn, khắc phục, cải chính, loại bỏ tác động tiêu cực, buộc xin lỗi công khai, cải chính;

c) Trang bị cho Thẩm phán công cụ hỗ trợ và các phương tiện khác để thực hiện các biện pháp tự bảo vệ trong trường hợp cần thiết theo đề nghị của Thẩm phán và trên cơ sở xem xét tình hình thực tiễn, nguy cơ xâm phạm, quy định của pháp luật về quản lý công cụ hỗ trợ;

c) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn, không cho các đối tượng có hành vi gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, các quyền và lợi ích hợp pháp khác tiếp cận người được bảo vệ;

d) Giữ bí mật, thay đổi các thông tin, dữ liệu liên quan đến cá nhân và thân nhân của Thẩm phán; di chuyển, giữ bí mật chỗ ở, nơi làm việc; thay đổi tung tích, đặc điểm nhận dạng của Thẩm phán và thân nhân của Thẩm phán nếu cần thiết;

đ) Xử lý kịp thời, nghiêm khắc các hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm;

e) Áp dụng các biện pháp phù hợp khác khi xét thấy cần thiết.

2. Thẩm phán được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quy định đối với cán bộ cao cấp nếu là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, theo tiêu chuẩn quy định đối với cán bộ trung cấp nếu là Thẩm phán Tòa án nhân dân.

3. Thẩm phán được hưởng chế độ, chính sách như thương binh, công nhân là liệt sĩ và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật khi bị tổn hại sức khỏe, tính mạng trong khi thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ; được hỗ trợ, bồi thường thiệt hại khi bị thiệt hại về vật chất, tinh thần và các quyền, lợi ích hợp pháp khác.

4. Thẩm phán khi giải quyết, xét xử các vụ án, vụ việc có mức độ nguy hiểm cao, cơ quan có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều này để bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán và thân nhân của Thẩm phán.

Điều 10. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro, loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm của Thẩm phán

1. Thẩm phán được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Khi có căn cứ cho rằng quyết định, kết luận của tập thể, người có thẩm quyền trái quy định của pháp luật thì Thẩm phán có quyền từ chối thực hiện, được kiến nghị bảo lưu ý kiến bằng văn bản và báo cáo cấp có thẩm quyền. Nếu sau đó vẫn phải thực hiện thì Thẩm phán không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành.

b) Thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo để xảy ra thiệt hại được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã thực hiện đúng chủ trương, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung.

c) Có tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan cao hơn mức quy định nhưng không có dấu hiệu tiêu cực và được giao xét xử, giải quyết nhiều vụ án, vụ việc phức tạp; hoặc những vụ án, vụ việc bị hủy, sửa được cấp có thẩm quyền đánh giá là phức tạp.

d) Đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, thủ tục tố tụng nhưng pháp luật còn bất cập, có các cách hiểu khác nhau trong áp dụng; các sai sót, thiệt hại xảy ra không phải do lỗi cố ý, không vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác.

e) Thực hiện nhiệm vụ trong tình huống cấp bách; để đáp ứng yêu cầu chính trị tại địa phương, phòng chống tội phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

g) Chủ động phát hiện và đã áp dụng các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý, khắc phục hậu quả hoặc đã báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý, khắc phục hậu quả của sai sót, vi phạm.

2. Thẩm phán được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật trong trường hợp đã chủ động xin thôi giữ chức vụ, chức danh, nghỉ công tác trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý, trừ trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mục 2:

Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp bảo vệ Thẩm phán

Điều 11. Trình tự, thủ tục bảo vệ vị trí công tác; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và dữ liệu cá nhân của Thẩm phán

Khi vị trí công tác, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và dữ liệu cá nhân của Thẩm phán bị xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm thì thực hiện như sau:

1. Mọi tổ chức, cá nhân khi phát hiện có hành vi can thiệp trái pháp luật vào việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán hoặc tác động làm ảnh hưởng đến vị trí công tác, dữ liệu cá nhân của Thẩm phán thì phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền để kịp thời giải quyết.

2. Khi bị xâm hại hoặc xét thấy có nguy cơ bị xâm hại thì Thẩm phán tự mình hoặc báo cáo Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ.

Đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ được thực hiện bằng văn bản; trường hợp khẩn cấp có thể đề nghị trực tiếp, qua điện thoại hoặc hình thức thông tin, liên lạc khác nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải có thông tin về người được đề nghị bảo vệ, lý do đề nghị và những nội dung khác có liên quan.

3. Sau khi nhận yêu cầu được bảo vệ của Thẩm phán, tùy theo tính chất cấp thiết của yêu cầu Chánh án Tòa án có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình và cung cấp hồ sơ, thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan; kiểm tra, xác minh để làm rõ; thực hiện các biện pháp để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung; ban hành kết luận; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ Thẩm phán theo quy định. Trường hợp khẩn cấp, Chánh án Tòa án chủ động áp dụng hoặc đề nghị người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ cần thiết khác trước khi thực hiện các trình tự, thủ tục này.

Trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ thì cơ quan nhận được đề nghị phải có văn bản thông báo ngay cho Thẩm phán, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác và nêu rõ lý do.

4. Trình tự, thủ tục bảo vệ Thẩm phán thuộc trách nhiệm của Hội đồng tuyển chọn giám sát Thẩm phán quốc gia được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia

5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Trình tự, thủ tục bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán

Khi tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán bị xâm phạm hoặc bị đe dọa xâm phạm thì thực hiện như sau:

1. Thẩm phán, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác đề nghị cơ quan Công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ. Đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ được thực hiện bằng văn bản; trường hợp khẩn cấp có thể đề nghị trực tiếp, qua điện thoại hoặc hình thức thông tin, liên lạc khác nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải có thông tin về người được đề nghị bảo vệ, lý do đề nghị và những nội dung khác có liên quan.

2. Cơ quan nhận được đề nghị phải xem xét, xác định sự cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp có căn cứ thì ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp không áp dụng biện pháp bảo vệ thì phải có văn bản thông báo ngay cho Thẩm phán, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác và nêu rõ lý do.

Nếu việc từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ không có căn cứ thì Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác có văn bản kiến nghị và cơ quan được đề nghị phải áp dụng biện pháp cần thiết, phù hợp để bảo đảm Thẩm phán được an toàn, yên tâm thực thi công vụ.

3. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ: tên cơ quan có trách nhiệm bảo vệ; người được bảo vệ; lý do được bảo vệ; các biện pháp bảo vệ được áp dụng; thời gian bắt đầu áp dụng biện pháp bảo vệ và những nội dung khác có liên quan.

4. Trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ có thể điều động lực lượng, phương tiện đến bảo vệ hoặc bố trí nơi tạm lánh để bảo đảm an toàn cho người được bảo vệ trước khi ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

5. Trong quá trình bảo vệ, nếu phát sinh yêu cầu cần áp dụng thêm biện pháp bảo vệ thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ ra quyết định bổ sung biện pháp bảo vệ.

6. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, quyết định bổ sung biện pháp bảo vệ được gửi cho người được bảo vệ, cơ quan yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Điều 13. Quy định về việc chấm dứt hoạt động bảo vệ

1. Khi hành vi xâm phạm đã kết thúc, nguy cơ đe dọa xâm phạm không còn thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ chủ động hoặc theo đề nghị của Thẩm phán, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác ra quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ.

Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ tên cơ quan có trách nhiệm bảo vệ; người được bảo vệ; lý do chấm dứt biện pháp bảo vệ; thời điểm kết thúc áp dụng biện pháp bảo vệ.

2. Việc quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ được thông báo bằng văn bản cho Thẩm phán, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

3. Trường hợp Thẩm phán, Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác xét thấy việc quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ là chưa đúng thì có ý kiến bằng văn bản và cơ quan có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ cho đến khi nguy cơ của việc xâm hại không còn nữa.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BẢO VỆ THẨM PHÁN

Điều 14. Trách nhiệm của Thẩm phán

1. Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc tự bảo vệ an toàn bản thân khi thi hành công vụ; quản lý, bảo mật chặt chẽ thông tin, dữ liệu cá nhân, bí mật đời tư.

2. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực cho cơ quan, người có thẩm quyền về thông tin, tài liệu, căn cứ xác định việc bản thân và thân nhân bị xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm.

3. Tuân thủ yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ; phối hợp với lực lượng bảo vệ trong thực hiện các biện pháp bảo vệ.

4. Kịp thời đề nghị chấm dứt hoặc từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ khi không còn hành vi xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm.

Điều 15. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân

1. Tòa án nhân dân tối cao xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình để phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm Thẩm phán; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho Thẩm phán; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các quy định về bảo vệ Thẩm phán.

2. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nắm tình hình để kịp thời phát hiện, xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm Thẩm phán.

3. Bảo đảm an ninh, an toàn trụ sở, tài sản và bảo vệ bí mật thông tin, tài liệu hoạt động của cơ quan, tổ chức theo quy định.

4. Thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan Công an, trường học, cơ quan quản lý truyền thông các thông tin cần thiết về Thẩm phán và thân nhân của Thẩm phán để có kế hoạch bảo vệ và phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm theo quy định của Nghị quyết này.

5. Chủ động đề nghị bảo vệ; phối hợp, kịp thời cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền thông tin, tài liệu là căn cứ xác định việc Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán bị xâm phạm, đe dọa xâm phạm trong các vụ việc cụ thể.

6. Tích cực phối hợp, tuân thủ yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền, trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ.

7. Tiếp nhận, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định các yêu cầu, đề nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ Thẩm phán.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia

1. Thông qua hoạt động giám sát, Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia có trách nhiệm bảo vệ Thẩm phán theo quy định.

2. Kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, chấm dứt các hành vi xâm phạm, đe dọa xâm phạm Thẩm phán.

3. Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc xác minh, làm rõ nội dung đề nghị bảo vệ Thẩm phán theo văn bản đề nghị về việc bảo vệ Thẩm phán của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến.

4. Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia chỉ đạo tổ chức xem xét việc bảo vệ Thẩm phán; ban hành nghị quyết và thực hiện các quy định của pháp luật để bảo vệ Thẩm phán, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện chính sách đối với Thẩm phán khi bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng trong khi thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời có văn bản trả lời cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị biết.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Công an

Giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết về việc tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ Thẩm phán và thân nhân của Thẩm phán trong lực lượng Công an.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Ban hành các quy định về việc tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ Thẩm phán Tòa án quân sự.

2. Bố trí lực lượng để phối hợp thực hiện các yêu cầu bảo vệ Thẩm phán và thân nhân của Thẩm phán Tòa án quân sự theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 19. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Lãnh đạo, chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong việc chủ động phân tích, đánh giá thông tin về các mối đe dọa đối với Thẩm phán thông qua chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp để kịp thời dự báo nguy cơ và thông báo Chánh án Tòa án nơi Thẩm phán công tác và các cơ quan có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân

1. Phổ biến, giáo dục pháp luật về chế độ bảo vệ Thẩm phán, tiếp nhận thông tin, chủ động nắm bắt tình hình nơi Thẩm phán và thân nhân Thẩm phán cư trú để kịp thời giải quyết khi có tình huống phát sinh.

2. Khi tiếp nhận yêu cầu bảo vệ Thẩm phán, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, quyền hạn, có trách nhiệm kiểm tra, áp dụng các biện pháp bảo vệ.

3. Phối hợp kịp thời với các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác bảo vệ Thẩm phán khi có yêu cầu.

Điều 21. Trách nhiệm của trường học, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Nhà trường có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, chủ động nắm bắt tình hình thân nhân của Thẩm phán là người chưa thành niên hoặc không đủ năng lực

hành vi dân sự trong thời gian nhà trường trực tiếp quản lý để có kế hoạch thực hiện các biện pháp phòng ngừa các hành vi xâm phạm.

2. Khi cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu bảo vệ, Nhà trường phải áp dụng các biện pháp phù hợp để bảo vệ.

3. Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp bảo vệ theo quy định.

4. Cơ quan quản lý về thông tin truyền thông có trách nhiệm bảo vệ Thẩm phán theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm bảo vệ Thẩm phán; tích cực phối hợp khi có yêu cầu bảo vệ Thẩm phán.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp trong việc hướng dẫn, xây dựng chi tiết quy trình bảo vệ Thẩm phán.

2. Các Tòa án, Viện kiểm sát, Công an các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ, đánh giá rủi ro đối với Thẩm phán thi hành công vụ, có kế hoạch bảo vệ thường xuyên, cần thực hiện các biện pháp bảo vệ trong các tình huống cụ thể, kịp thời báo cáo cấp trên trong các trường hợp khẩn cấp.

Điều 23. Kinh phí hoạt động bảo vệ Thẩm phán

1. Kinh phí cho hoạt động bảo vệ Thẩm phán được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định chi tiết về việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, nội dung chi và quyết toán kinh phí cho công tác bảo vệ Thẩm phán.

4. Kinh phí phục vụ hoạt động bảo vệ Thẩm phán phải được hạch toán riêng, định kỳ báo cáo, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Ngoài ngân sách nhà nước, cơ quan có thẩm quyền có thể huy động sự hỗ trợ từ các nguồn hợp pháp khác để phục vụ hoạt động bảo vệ Thẩm phán, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong hoạt động tư pháp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2025.
2. Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ... thông qua ngày...tháng...năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

ĐỀ CƯƠNG- MỤC LỤC

Chương I.....	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Nguyên tắc bảo vệ Thẩm phán	2
Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm.....	2
Chương II	3
NỘI DUNG, BIỆN PHÁP VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC	3
BẢO VỆ THẨM PHÁN.....	3
Điều 5. Nội dung bảo vệ Thẩm phán.....	3
Điều 6. Biện pháp bảo vệ sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc	4
Điều 7. Biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn	4
Điều 8. Biện pháp bảo vệ bí mật, dữ liệu cá nhân của Thẩm phán	5
Điều 9. Biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán	6
Điều 10. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro, loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm của Thẩm phán	7
Điều 11. Trình tự, thủ tục bảo vệ vị trí công tác; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và dữ liệu cá nhân của Thẩm phán	8
Điều 12. Trình tự, thủ tục bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán	9
Điều 13. Quy định về việc chấm dứt hoạt động bảo vệ	10
Chương III	10
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BẢO VỆ THẨM PHÁN	10
Điều 14. Trách nhiệm của Thẩm phán.....	10
Điều 15. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân.....	11
Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia	11
Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Công an	12
Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng	12
Điều 19. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao	12

Điều 21. Trách nhiệm của trường học, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan	12
Điều 22. Trách nhiệm phối hợp	13
Điều 23. Kinh phí hoạt động bảo vệ Thẩm phán.....	13
Chương IV	14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	14
Điều 24. Điều khoản thi hành	14